

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 34/Daesang/2026

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: Chi nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương  
Địa chỉ: Lô 10.1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điền – Lương Điền, xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

E-mail: [rdmiwon@gmail.com](mailto:rdmiwon@gmail.com)

Mã số doanh nghiệp: 2600109933

Giấy chứng nhận FSSC 22000 số: VN20/00088 ngày chứng nhận 17/3/2020 do SGS United Kingdom Ltd cấp. Được gia hạn lần thứ 5 vào ngày 03/03/2025.

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm: LÁ KIM TRẺ EM NGUYỄN VỊ**

**2. Thành phần: Rong biển Hàn Quốc (100%)**

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

Thời hạn sử dụng: 12 tháng

+ Hạn sử dụng (HSD): được in trên bao bì của sản phẩm (ngày/tháng/năm)

+ Ngày sản xuất (NSX): được in trên bao bì của sản phẩm (ngày/tháng/năm)

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Bao bì: phù hợp an toàn thực phẩm theo quy định bộ Y tế.

+ Chất liệu bao bì bên trong: PET/PE/AL/CCP hoặc các bao bì khác phù hợp quy định an toàn thực phẩm bộ Y tế.

+ Bao bì ngoài: hộp carton.

- Quy cách bao gói: 1,5 g; 2 g; 4,5 g; 6 g; 12 g; 18 g; 24 g;...tùy theo nhu cầu của khách hàng.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

**Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Phố Sông Thao, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**Sản xuất tại:** Chi nhánh công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương

Địa chỉ: Lô 10.1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**Xuất xứ:** Việt Nam



**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- Tiêu chuẩn cơ sở số: TCCS 34:2026/DAESANG

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

*Hải Phòng, ngày 25 tháng 02 năm 2026*

**Chi nhánh công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương**

**Park Jung Il**



**GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY  
PARK JUNGIL**





# Lá kim trẻ em Nguyên vị



Khối Lượng tịnh:  
1,5 g



- Thành phần: Rong biển Hàn Quốc (100%).
- Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
- Thông tin cảnh báo:
  - Không sử dụng cho người dị ứng với bất kỳ thành phần nào của sản phẩm.
  - Trong sản phẩm có chứa gói hút ẩm. Không được ăn gói này.

### Khuyến dùng:

Tuy vào độ tuổi và sự phát triển của bé, ba mẹ có thể linh hoạt điều chỉnh cách dùng và lượng dùng phù hợp.

### • Chú thích:

(\* ) Sản phẩm phù hợp cho trẻ từ 6 tháng tuổi trở lên.

### • Sản phẩm của:

**CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM**  
Phố Sông Thao, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

• Sản xuất tại: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM TẠI HẢI DƯƠNG**  
Lô 10.1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điện - Lương Điện, xã Cẩm Giang, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

• Xuất xứ: Việt Nam

Tư vấn khách hàng **024.3768.0563**

• Sản xuất theo số TCCS 34:2026/DAESANG

• NSX, HSD: Xem trên bao bì sản phẩm



# Lá kim trẻ em Nguyên vị



### • Hướng dẫn sử dụng:

Ăn liền, cuốn với cơm trắng hoặc dùng để nấu cháo, canh cho bé.





HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
Ăn liền, cuộn với cơm trắng hoặc cho vào nấu cháo, canh cho bé.



6+
Tháng tuổi

Lá kim trẻ em
Nguyên vị



Khối lượng tịnh: 4,5 g (1,5 g x 3 gói)



Thành phần: Rong biển Hàn Quốc (100%)
Hương dân sử dụng: Ăn liền, cuộn với cơm trắng hoặc cho vào nấu cháo, canh cho bé
Khuyến dùng: Tụy vào đồ luộc và sử phát triển của bé, bà mẹ có thể nhai hơi điều
Hàng bảo quản và lưu giữ đúng cách
Chăm cách dùng và lưu giữ đúng cách
NSX và HSD: xem trên bao bì sản phẩm
Chú thích: (\*) Sản phẩm phù hợp cho trẻ từ 6 tháng tuổi trở lên

Lá kim trẻ em
Nguyên vị

6+
Tháng tuổi







6+  
Tháng tuổi

# Lá kim trẻ em Nguyên vị



- Thành phần: Rong biển Hàn Quốc (100%)
- Hướng dẫn sử dụng: Ăn liền, cuốn với cơm trắng hoặc cho vào nấu cháo, canh cho bé.
- Khuyến dùng: Tùy vào độ tuổi và sự phát triển của bé, ba mẹ có thể linh hoạt điều chỉnh cách dùng và lượng dùng phù hợp.
- Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
- Chủ thích: (\*) Sản phẩm phù hợp cho trẻ từ 6 tháng tuổi trở lên.
- NSX và HSD: xem trên bao bì sản phẩm
- Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM  
Phố Sông Thao, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
- Sản xuất tại: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM TẠI HẢI DƯƠNG  
Lô T0 1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền,  
xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Xuất xứ: Việt Nam
- Tư vấn khách hàng: 024 3768 0563
- Sản xuất theo số TCCS 34-2026/DAESANG
- Thông tin cảnh báo:  
- Không sử dụng cho người dị ứng với bất kỳ thành phần nào của sản phẩm.  
- Trong sản phẩm có chứa gói hút ẩm. Không được ăn gói này.



## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Ăn liền, cuốn với cơm trắng hoặc cho vào nấu cháo, canh cho bé.



Hải Phòng, ngày 25 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**VỀ VIỆC BAN HÀNH VÀ CÔNG BỐ ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN CƠ SỞ**

**GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM TẠI HẢI DƯƠNG**

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ban hành ngày 16 tháng 01 năm 2026 về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BKHCHN ban hành ngày 18 tháng 11 năm 2021 về Quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ nhu cầu hoạt động, sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Daesang Việt Nam;

Theo đề nghị của đại diện lãnh đạo về chất lượng;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này bản Tiêu chuẩn cơ sở:

**TCCS 34:2026/DAESANG – LÁ KIM TRẺ EM NGUYÊN VỊ**

**Điều 2.** Công bố việc áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở nói trên cho sản phẩm Lá kim trẻ em nguyên vị do Chi nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương sản xuất và kinh doanh.

**Điều 3.** Các bộ phận có liên quan có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn, thực hiện, theo dõi, cập nhật, đảm bảo sản phẩm Lá kim trẻ em nguyên vị do Chi nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương sản xuất và kinh doanh phù hợp với yêu cầu quy định trong Tiêu chuẩn cơ sở nói trên.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Các phòng ban công ty;
- Lưu: VT/R&D.

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**



**GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY  
PARK JUNGIL**

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM  
TẠI HẢI DƯƠNG**

**TCCS 34:2026/DAESANG**

**Lần ban hành: 01**

**Lần sửa đổi: 00**

**LÁ KIM TRẺ EM NGUYÊN VỊ**

**HẢI PHÒNG - 2026**



TCCS 34:2026/DAESANG

LÁ KIM TRẺ EM NGUYÊN VỊ

Nội dung	Biên soạn	Soát xét
Họ và tên:	Hoàng Hải Yến	Nguyễn Thị Thu Thương
Chức danh:	Nhân viên R&D	Đội trưởng R&D
Chữ ký:		

Hải Phòng, ngày 25 tháng 02 năm 2026

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY  
PARK JUNGIL

**Lời nói đầu**

Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34:2026/DAESANG do Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương phê duyệt ban hành theo Quyết định số 34/2026/QĐ-DAESANG.

Trong quá trình áp dụng, Tiêu chuẩn này có thể được sửa đổi, bổ sung, thu hồi, huỷ bỏ cho phù hợp với thực tế và quy định của Pháp luật.

Việc sửa đổi, bổ sung, thu hồi, huỷ bỏ phải tuân thủ quy định về kiểm soát tài liệu của Chi nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương.

### 1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định áp dụng cho sản phẩm **Lá kim trẻ em nguyên vị** do Chi nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương sản xuất.

### 2. Tài liệu viện dẫn:

Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về *Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa*

QCVN 8-2:2011/BYT, *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm*

### 3 Yêu cầu kỹ thuật

#### 3.1 Yêu cầu cảm quan:

Các yêu cầu cảm quan đối với sản phẩm được quy định trong Bảng 1.

**Bảng 1 – Yêu cầu cảm quan**

Chỉ tiêu	Yêu cầu
1. Trạng thái	Rong biển ép thành bản mỏng, đã qua chế biến
2. Màu sắc	Màu xanh đen đặc trưng của sản phẩm
3. Mùi vị	Mùi, vị đặc trưng của sản phẩm

#### 3.2 Yêu cầu về lý - hóa

Các yêu cầu về lý – hóa đối với sản phẩm **Lá kim trẻ em nguyên vị** được quy định trong Bảng 2.

**Bảng 2 – Yêu cầu về lý - hóa**

Tên chỉ tiêu	Mức
1. Độ ẩm, %, không lớn hơn	5,0
2. Muối, %, không lớn hơn	8,0

### 3.3 Chỉ tiêu dinh dưỡng

Các chỉ tiêu dinh dưỡng đối với sản phẩm **Lá kim trẻ em nguyên vị** được quy định trong Bảng 3.

**Bảng 3 – Yêu cầu về chỉ tiêu dinh dưỡng**

Tên chỉ tiêu	Mức
1. Năng lượng, kcal/100g	Từ 142,8 đến 265,2
2. Carbohydrat, g/100g, không lớn hơn	3,0
3. Chất béo, g/100g	Từ 2,7 đến 5,0
4. Chất đạm, g/100g	Từ 32,7 đến 49,1

## 4 Yêu cầu về an toàn thực phẩm

### 4.1 Chỉ tiêu vi sinh vật

Các chỉ tiêu vi sinh vật đối với sản **Lá kim trẻ em nguyên vị** được quy định trong Bảng 4.

**Bảng 4 – Yêu cầu về vi sinh vật**

Tên chỉ tiêu	Mức
1. <i>E. Coli</i> , MPN/g, không lớn hơn	3
2. <i>B.cereus</i> , CFU/g, không lớn hơn	10 <sup>2</sup>
3. <i>Coliforms</i> , CFU/g, không lớn hơn	10 <sup>2</sup>
4. <i>Cl.perfringens</i> , CFU/g, không lớn hơn	10

### 4.2 Chỉ tiêu độc tố vi nấm

Các chỉ tiêu độc tố vi nấm đối với sản **Lá kim trẻ em nguyên vị** được quy định trong Bảng 5.

**Bảng 5 – Chỉ tiêu độc tố vi nấm**

Tên chỉ tiêu	Mức
1. Aflatoxin B1, µg/kg, không lớn hơn	5,0
2. Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2), µg/kg, không lớn hơn	15,0

### 4.3 Dư lượng kim loại nặng

Các chỉ tiêu kim loại nặng đối với **Lá kim trẻ em nguyên vị** được quy định trong Bảng 6.

**Bảng 6 – Dư lượng kim loại nặng**

Tên chỉ tiêu	Mức
1. Asen vô cơ (As), mg/kg, không lớn hơn	1,0
2. Chì (Pb), mg/kg, không lớn hơn	2,0

## 5 Bao gói, ghi nhãn, bảo quản

### 5.1 Bao gói

- Sản phẩm phải được đóng gói trong bao bì phù hợp an toàn thực phẩm theo quy định bộ Y tế.
- Quy cách bao gói: 1,5 g; 2 g; 4,5 g; 6 g; 12 g; 18 g; 24 g;... tùy theo nhu cầu của khách hàng.

### 5.2 Ghi nhãn

- Nhãn sản phẩm **Lá kim trẻ em nguyên vị** được ghi trên bao bì theo quy định tại nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

### 5.3 Bảo quản

- Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.





Report N°: 0001123622

Page N° 1/5

Ho Chi Minh City, Date: October 07, 2025

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 07/10/2025

ANALYSIS REPORT  
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2509A-0669

Đơn hàng: 2509A-0669

CLIENT'S NAME : CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM TẠI HẢI DƯƠNG  
Tên khách hàng

CLIENT'S ADDRESS : LÔ 10.1 ĐƯỜNG SỐ 1, KHU CÔNG NGHIỆP CẨM ĐIỀN – LƯƠNG ĐIỀN, XÃ  
CẨM GIÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, VIỆT NAM  
Địa chỉ

SAMPLE INFORMATION:  
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client  
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : Lá kim trẻ em nguyên vị  
Chú thích của khách hàng

Sampling date : 28/08/2025

The above information is submitted and identified by the client/applicant.  
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Food (approx. gr. wt. 0.4kg) in the aluminium container  
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 0.4kg bao gồm bao bì) chứa trong vật chứa bằng nhôm

Sample ID : 2509A-0669.001  
Mã số mẫu

Date sample(s) received : September 05, 2025  
Ngày nhận mẫu : 05/09/2025

Testing period : September 05, 2025 - September 15, 2025  
Thời gian thử nghiệm : 05/09/2025 - 15/09/2025

Test(s) requested : As applicant's requirement  
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)  
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,  
Ho Chi Minh City, Vietnam  
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,  
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam  
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service  
<<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations  
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of  
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings  
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The  
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties  
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction  
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or  
appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest  
extent of the law.



Report N°: 0001123622

Page N° 2/5

TEST RESULT(S)  
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Total Coliforms <i>Coliform tổng</i>	ISO 4832:2006	<10	-	10	cfu/g	Initial dilution: 20, Note (v)
2. Bacillus cereus <i>Bacillus cereus</i>	AOAC 980.31	<10	-	10	cfu/g	Initial dilution: 20, Note (v)
3. Clostridium perfringens <i>Clostridium perfringens</i>	ISO 15213-2:2023 <sup>(*)</sup>	<10	-	10	cfu/g	Initial dilution: 20, Note (v)
4. E. coli <i>E. coli</i>	ISO 16649-3:2015 <sup>(*)</sup>	0	-	-	MPN/g	Initial dilution: 20, Note (v)
5. Crude protein <i>Đạm thô</i>	ISO 1871:2009	40.90	0.03	0.1	g/100g	N x 6.25
6. Moisture (103 °C) <i>Độ ẩm</i>	GB 5009.3: 2016 (Method 1) <sup>(*)</sup>	2.48	0.07	0.5	g/100g	
7. Sodium chloride NaCl (calculated from chloride) <i>Natri clorua (tính từ clorua)</i>	LFOD-TST-SOP-8124	1.31	0.01	0.02	g/100g	
8. Carbohydrate (not including dietary fiber) <i>Carbohydrat (không bao gồm xơ)</i>	AOAC 2020.07	1.42	0.05	0.18	g/100g	Not incl. polyols, Note (2)
9. Energy (Viet Nam (VN) market) <i>Năng lượng (Thị trường Việt Nam)</i>	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) <sup>(*)</sup>	204	-	-	kcal/100g	
10. Total fat (sum of fatty acids, expressed as triglycerides) <i>Béo tổng (tổng của các axit béo, quy về triglycerides)</i>	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	3.8471	0.0001	0.0003	g/100g	
11. Aflatoxin (sum of B1, B2, G1, G2) <i>Aflatoxin (tổng của B1, B2, G1, G2)</i>	LFOD-TST-SOP-8468	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/kg	
12. Aflatoxin B1 <i>Aflatoxin B1</i>	LFOD-TST-SOP-8468	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	0.3	µg/kg	
13. Aflatoxin B2 <i>Aflatoxin B2</i>	LFOD-TST-SOP-8468	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	0.3	µg/kg	
14. Aflatoxin G1 <i>Aflatoxin G1</i>	LFOD-TST-SOP-8468	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	0.3	µg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam  
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.  
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	LOD	LOQ	Unit <i>Đơn vị</i>	Remark <i>Chú thích</i>
15. Aflatoxin G2 <i>Aflatoxin G2</i>	LFOD-TST-SOP-8468	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	0.3	µg/kg	
16. Sodium (Na) <i>Natri</i>	AOAC 2011.14	777	0.5	1	mg/100g	
17. Inorganic Arsenic <i>Asen vô cơ</i>	IMEP-41 (2014)	0.066	0.025	0.05	mg/kg	
18. Lead (Pb) <i>Chì</i>	AOAC 2013.06	0.22	0.005	0.01	mg/kg	

**Note/Ghi chú:**

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (\*).  
*Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (\*).*
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (\*\*) after the analyte name.  
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được để cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (\*\*) sau tên chỉ tiêu.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.  
*Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.*
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.  
*Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.*
- (VN) Carbohydrate (not including dietary fiber) factor: 4 kcal/g, Fat factor: 9 kcal/g, Protein factor: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Source: FAO - Food and Nutrition paper 77 (2003)).  
*(VN) Hệ số của carbohydrate (không bao gồm xơ): 4 kcal/g, hệ số của chất béo: 9 kcal/g, hệ số của chất đạm: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Nguồn: FAO – Thực phẩm và Dinh dưỡng số 77 (2003)).*
- (2) Including digestible starch, maltodextrins, isomalto-oligosaccharides, isomaltose, sucrose, lactose, glucose, fructose, galactose, turanose, isomaltulose, arabinose and 40 % of lactulose. It does not include polyols, melibiose, rhamnose, xylose, fucose, mannose, ribose, trehalose, cellobiose, tagatose and allulose.  
*(2) Bao gồm tinh bột tiêu hóa, maltodextrins, isomalto-oligosaccharides, isomaltose, sucrose, lactose, glucose, fructose, galactose, turanose, isomaltulose, arabinose và 40 % lactulose. Không bao gồm polyols, melibiose, rhamnose, xylose, fucose, mannose, ribose, trehalose, cellobiose, tagatose và allulose.*
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.  
*LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.*

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method

**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam  
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.  
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



## Report N°: 0001123622

Page N° 4/5

without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

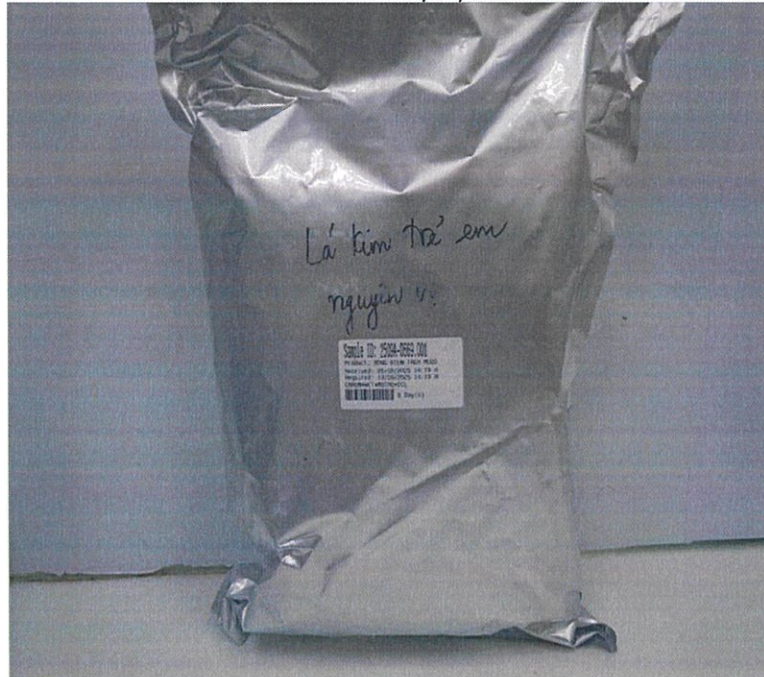
LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đồ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

\_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

\_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

- (v) With the samples swelling in water (such as roasted/ dried seaweed,...), the initial dilution was 1 in 20.
- (v) Với mẫu trương nở trong nước (như rong biển khô/nướng,...), pha loãng ban đầu là 1 trong 20.

### PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



#### SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam  
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001123622

Page N° 5/5

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

This report cancels and supersedes the report No. 0001107858 dated 26/09/2025 issued by SGS Vietnam Ltd.  
Báo cáo này hủy bỏ và thay thế cho báo cáo có mã số 0001107858 ngày 26/09/2025 được phát hành bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH.

\*\*\* END OF THE REPORT \*\*\*

Your feedback helps us improve our service.  
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)



**Trần Thái Hồ**  
Trưởng phòng Thử nghiệm Hóa Sắc ký



#### SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory**; Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

**Can Tho Laboratory**; Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam  
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001123625

Page N° 1/4

Ho Chi Minh City, Date: October 07, 2025

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 07/10/2025

JOB NO.: M2509A-0669

Đơn hàng: M2509A-0669

**ANALYSIS REPORT**

**BÁO CÁO PHÂN TÍCH**

**CLIENT'S NAME** : CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM TẠI HẢI DƯƠNG  
*Tên khách hàng*

**CLIENT'S ADDRESS** : LÔ 10.1 ĐƯỜNG SỐ 1, KHU CÔNG NGHIỆP CẨM ĐIỀN – LƯƠNG ĐIỀN, XÃ  
*Địa chỉ* CẨM GIÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, VIỆT NAM

**SAMPLE INFORMATION:**

**THÔNG TIN MẪU**

**Sampled/ Submitted by** : Client  
*Được lấy/ gửi bởi* : Khách hàng

**Client's reference** : Lá kim trẻ em nguyên vị  
*Chú thích của khách hàng*

**Sampling date** : 28/08/2025

The above information is submitted and identified by the client/applicant.

Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

**Sample description** : Food (approx. gr. wt. 0.4kg) in the aluminium container  
*Mô tả mẫu* : Thực phẩm (khoảng 0.4kg bao gồm bao bì) chứa trong vật chứa bằng nhôm

**Sample ID** : M2509A-0669.001  
*Mã số mẫu*

**Date sample(s) received** : September 05, 2025  
*Ngày nhận mẫu* : 05/09/2025

**Testing period** : September 23, 2025 - September 29, 2025  
*Thời gian thử nghiệm* : 23/09/2025 - 29/09/2025

**Test(s) requested** : As applicant's requirement  
*Yêu cầu thử nghiệm* : Theo yêu cầu của khách hàng

**Test result(s)** : Please refer to the next page(s)  
*Kết quả kiểm nghiệm* : Vui lòng tham khảo trang sau

**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory**: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,  
Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory**: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,  
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam  
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)



Report N°: 0001123625

Page N° 2/4

## TEST RESULT(S)

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Dietary fiber (High molecular weight dietary fiber HMW DF) <i>Xơ (Xơ phân tử cao HMW DF)</i>	AOAC 991.43	35.96	0.1	0.4	g/100g	Note (F)
2. Calcium (Ca) <i>Canxi</i>	AOAC 2011.14	242	0.5	1	mg/100g	
3. Iron (Fe) <i>Sắt</i>	AOAC 2011.14	11	0.025	0.05	mg/100g	

#### Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol ( $\Delta$ ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (\*).  
*Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác ( $\Delta$ ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (\*).*
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (\*\*) after the analyte name.  
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (\*\*) sau tên chỉ tiêu.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.  
*Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.*
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.  
*Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.*
- (F) The result that was calculated by sum of insoluble dietary fiber (IDF) and high molecular weight soluble dietary fiber (HMW SDF) was not included with low molecular weight soluble dietary fiber (LMW SDF).  
*(F) Kết quả được tính từ tổng hàm lượng xơ không hòa tan (IDF) và xơ hòa tan phân tử lượng cao (HMW SDF), không bao gồm xơ hòa tan phân tử lượng thấp (LMW SDF).*
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.  
*LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.*

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest

#### SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam  
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001123625

Page N° 3/4

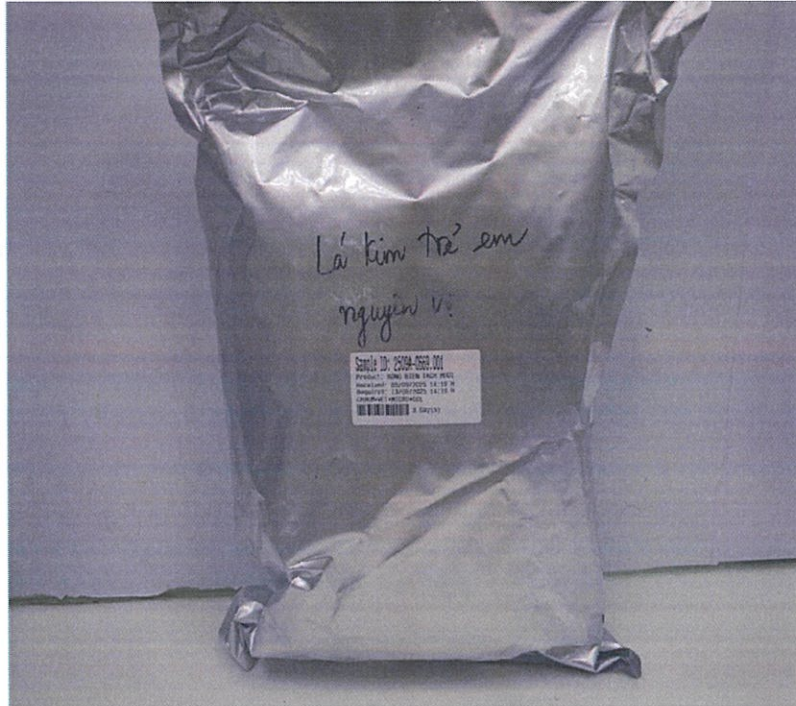
concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

\_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

\_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



1402  
NG  
IỆT  
HIỆM H  
HỒ

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

This report cancels and supersedes the report No. 0001111402 dated 29/09/2025 issued by SGS Vietnam Ltd.  
Báo cáo này hủy bỏ và thay thế cho báo cáo có mã số 0001111402 ngày 29/09/2025 được phát hành bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001123625

Page N° 4/4

\*\*\* END OF THE REPORT \*\*\*

Your feedback helps us improve our service.  
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of  
**SGS Vietnam LTD.**

Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH



**Trần Thái Hồ**  
Trưởng phòng Thử nghiệm Hóa Sắc ký



**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam  
t:(84-28) 3935 1920 f:(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

*This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.  
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.*